

Bản án số: 81/2019/HS-ST

Ngày: 28/8/2019

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tạ Công Minh**
2. Ông **Huỳnh Văn Phó**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Châu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện CT tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 77/2019/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Tuấn A** (có mặt).
- Tên gọi khác: Xà Lươn.
- Sinh năm: 1995, tại tỉnh Tiền Giang.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Tây 2, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
- Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
- Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.
- Trình độ học vấn: 06/12.
- Nghề nghiệp: Không.
- Cha: Lê Văn Út N, sinh năm: 1966, (đã chết);

- Mẹ: Võ Thị D, sinh năm: 1971, nghề nghiệp: làm thuê;
- Em: Lê Anh T, sinh năm: 2002, nghề nghiệp: làm thuê;
- Bị cáo chưa có vợ con;

Cùng thường trú tại: ấp Tây 2, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Nhân thân:

+ Năm 2011, bị Chủ tịch UBND huyện CT, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định đưa vào Trường Giáo dưỡng số 4, huyện LT, tỉnh Đồng Nai với thời hạn 24 tháng, về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 26/12/2017 và ngày 23/4/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP, tỉnh Tiền Giang và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã CL, tỉnh Tiền Giang ra quyết định khởi tố bị can, về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện 02 vụ án trên đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã CL, tỉnh Tiền Giang điều tra.

+ Ngày 10/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2015/HSST), chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/10/2016. Bị can được xác định là không có tiền án do phạm tội lần này vào ngày 09/11/2018.

- Tiền án: Không
- Tiền sự: Không.
- Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã CL, tỉnh Tiền Giang trong vụ án khác.

2. Họ và tên: **Lê Văn Đ** (có mặt).

- Tên gọi khác:
- Sinh năm: 1999, tại tỉnh Tiền Giang.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Long Hòa B, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.
- Trình độ học vấn: 08/12.

- Nghề nghiệp: Không.
- Cha: Lê Văn V, sinh năm: 1976, nghề nghiệp: làm ruộng;
- Mẹ: Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1980, nghề nghiệp: buôn bán;
- Bị cáo chưa có vợ con;

Cùng thường trú tại: ấp Long Hòa B, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Nhân thân:

+ Ngày 20/4/2017, bị Công an xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 02/01/2019, Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP, tỉnh Tiền Giang ra quyết định khởi tố bị can, về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Hiện vụ án đã được Tòa nhân dân huyện TP xét xử theo bản án số 18/2019/HS-ST ngày 11/7/2019 với mức hình phạt 04 năm tù.

- Tiền án: 01 lần.

Ngày 23/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 05 tháng 04 ngày tù, được trả tự do tại phiên tòa, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (Bản án hình sự số 35/2017/HSST).

- Tiền sự: Không.

- Bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang trong vụ án khác.

** Bị hại:*

- **Võ Khắc L**, sinh năm 1994. Trú tại: Ấp Phước Hòa B, thị xã Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- **Bùi Thị M**, sinh năm 1999. Trú tại: Ấp Phú Hòa, xã Phú Nhuận, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- **Nguyễn Minh A1**, sinh năm 1998. Trú tại: Ấp 4, xã Mỹ A, huyện TT, tỉnh Long An (vắng mặt).

- **Phạm Ngọc Hoàng Y**, sinh năm 1969. Trú tại: Ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- **Võ Nhựt T**, sinh năm 1981. Trú tại: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Bùi Văn L**, sinh năm 1975. Trú tại: Ấp PH, xã PN, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1980. Trú tại: Ấp Long Hòa B, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

** Người làm chứng:*

- **Huỳnh Thị Bích H**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp PH, xã PM, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- **Phạm Ngọc P**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp HĐ, xã HT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- **Dương Thị Thu T**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Từ tháng 11/2018 đến tháng 03/2019, Lê Tuấn A đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Vụ thứ 1: Khoảng 01 giờ ngày 09/11/2018, Lê Tuấn A điều khiển xe mô tô hai bánh hiệu Exciter, màu đen (không rõ biển số) chở Lê Văn Đ đến địa bàn huyện CT, tỉnh Tiền Giang chơi. Khi đến khu vực tại nhà trọ Ngân Quyên, tọa lạc ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do chị Dương Thị Thu T, thì Tuấn A nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên dừng xe và kêu Đ đứng bên ngoài đợi để Tuấn A đi vào bên trong.

Khi vào trong, thấy phòng trọ số 6 do A Võ Khắc L thuê, khóa cửa ngoài nên Tuấn A đã mở cửa vào bên trong phòng. Lúc này, Tuấn A phát hiện 01 xe

mô tô hai bánh hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, đỏ, biển số 83D1 – 093.76 của A L nên tìm kiếm chìa khóa và mở được khóa xe. Sau đó Tuấn A dẫn xe ra ngoài và kêu Đ chạy xe về phòng trọ của mình tại huyện TT, tỉnh Long An trước, còn Tuấn A điều khiển xe trộm được đi sau. Khi về đến cầu Tân A1 thuộc địa phận phường 6, thành phố Tân A1, tỉnh Long An thì Tuấn A bỏ biển số xe 83D1 – 093.76 ném bỏ, tiếp tục điều khiển xe về phòng trọ của mình cất giấu và lấy biển số xe 63B9 – 443.58 nhặt được trước đó gắn vào xe.

Khoảng 10 ngày sau, Tuấn A kêu Lê Vĩnh Ph (sinh năm 2000, ngụ ấp Long Hòa B, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang) điều khiển xe 83D1 – 093.76 đến cho Đ sử dụng. Đ tháo biển số xe 63B9 – 443.58 ném xuống Kênh 1 thuộc ấp Long Hòa B, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang và lấy biển số 63S6 – 1309 nhặt được gắn vào sử dụng cho đến khi bị Công an huyện TP, tỉnh Tiền Giang phát hiện, thu giữ.

* Thu giữ và xử lý vật chứng, đồ vật:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, không có biển số, không có dàn áo xe, số khung: RLCE5P710AY041974, số máy: 5P71-041975.

- 01 (một) dàn áo xe mô tô màu đen trắng, bên trên có ghi chữ RC.

Đây là tài sản hợp pháp của A Võ Khắc L nên Cơ quan điều tra đã trao trả xong cho A L.

- 01 (một) biển số xe 63S6 – 1309. Qua xác minh, biển số xe này của xe mô tô hai bánh do A Phạm Ngọc P đứng tên chủ sở hữu. Năm 2012, A Phương bán xe trên cho cửa hàng mua bán xe Minh Hoàng do chị Huỳnh Thị Bích H làm chủ, lúc bán xe không làm giấy tờ, không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Hiện xe trên ở đâu chị Hạnh không biết. A Phương và chị Hạnh không yêu cầu gì.

Viện kiểm sát nhân dân huyện CT chuyển vật chứng trên đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT quản lý, chờ xử lý.

- Đối với xe mô tô hai bánh hiệu Exciter 135 màu đen, không rõ biển số là phương tiện Tuấn A sử dụng để đi trộm. Quá trình điều tra, Tuấn A khai nhận mua lại xe trên của một người ở Thành phố Hồ Chí Minh, khi mua không làm

giấy tờ mua bán. Đầu năm 2019, Tuấn A điều khiển xe tại Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Cảnh sát giao thông chặn dừng kiểm tra, do không có giấy tờ nên Tuấn A bỏ đi, không ký biên bản, hiện tại xe ở đâu Tuấn A không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, thu hồi xe.

- Đối với hai biển số xe 83D1 – 093.76 và 63B9 – 443.58, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không được.

Kết luận định giá tài sản số 14 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện CT, tỉnh Tiền Giang, xác định: 01 (một) xe mô tô hai bánh loại xe Exciter, không có biển kiểm soát, số khung: RLCE5P710AY041974, số máy: 5P71-041975 có giá trị là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kết luận giám định số 166/GĐ-PC09 (Đ3) ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

- Số khung: RLCE5P710AY041974 trước và sau giám định không đổi.
- Số máy: 5P71-041975 trước và sau giám định không đổi.

Vụ thứ 2: Khoảng 14 giờ ngày 18/3/2019, Lê Tuấn A điều khiển xe mô tô hai bánh hiệu Suzuki Satria, màu đỏ, đen, biển số 63B3 – 806.07 đi ngang nhà trọ A Kiệt, tọa lạc tại ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do A Võ Nhật T làm chủ, thì nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện ý định của mình, Tuấn A dừng xe và đi vào bên trong dãy phòng trọ. Khi đến phòng trọ số 6 do chị Bùi Thị M và A Nguyễn Minh A1, thuê, Tuấn A dùng 01 cây kìm bằng kim loại màu trắng bẻ gãy khoen khóa cửa, đột nhập vào bên trong. Khi vào trong phòng, Tuấn A phát hiện 01 xe mô tô hai bánh hiệu Vision, màu đỏ, biển số 63P1 – 257.48 của chị M, xe này do ông Bùi Văn L (cha ruột chị M) đứng tên chủ sở hữu, trong cốp xe có 01 cái bóp màu đen có chứa thẻ ATM, giấy tờ cá nhân và giấy chứng nhận đăng ký xe trên. Sau đó, Tuấn A tìm kiếm tài sản và lấy 01 túi xách màu đen, bên trong có chìa khóa của xe 63P1 – 257.48 và 01 cục sạc dự phòng, 01 phụộc xe Honda Vario của A An, để vào túi xách của mình rồi bỏ về.

Khi ra về đến phòng trọ số 01, do chị Phạm Hoàng Y thuê, Tuấn A tiếp tục dùng kim bẻ gãy khoen khóa cửa vào bên trong tìm kiếm tài sản thì phát hiện và lấy 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng (đã hư hỏng), bỏ túi xách và điều khiển xe về phòng trọ của mình tại huyện TT, tỉnh Long An.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Tuấn A điện thoại cho đối tượng tên Phong (chưa rõ họ tên, địa chỉ) để rủ Phong quay lại phòng trọ số 6, nhà trọ A Kiệt trộm cắp xe Vision của chị M thì được Phong đồng ý. Lúc này, Tuấn A điều khiển xe 63B3 – 806.07 chở Phong đi, đến nơi Phong ở ngoài đợi còn Tuấn A vào bên trong phòng, dùng chìa khóa đã lấy trước đó mở khóa, bỏ túi xách của mình vào cốp xe và chạy xe đi. Sau đó, Tuấn A giao xe trộm cho Phong bán được 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), Tuấn A lấy 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiêu xài cá nhân. Đến ngày 27/3/2019, Tuấn A bị Công an huyện TP bắt giữ, thu giữ các đồ vật, phương tiện phạm tội. Riêng xe mô tô hai bánh hiệu Vision, màu đỏ, biển số 63P1 – 257.48 và các tài sản khác hiện chưa thu hồi được.

* Thu giữ và xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, hiệu Suzuki Satria, màu đỏ đen, biển số 63B3 – 806.07, số khung: MH8DL11AZJJ175037, số máy: CGA1ID175125;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 053663, của xe 63B3 – 806.07.

Qua xác minh, xe và giấy tờ trên là của A Nguyễn Minh T, sinh năm 1988, ngụ ấp Tây 2, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu. Tuấn A khai nhận mượn xe trên của anh T nhưng hiện T không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tách riêng, xử lý sau.

- 01 (một) cái kim bấm bằng kim loại màu trắng;
- 01 (một) nón bảo hiểm nửa đầu, màu nâu có hai sọc trắng, có chữ 19-5 VICTORY (loại trang cấp cho lực L Công an nhân dân);
- 01 (khoen) khóa bằng kim loại rỉ sét, sơn màu xA.

Viện kiểm sát nhân dân huyện CT chuyển các vật chứng trên đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT quản lý, chờ xử lý.

- 01 đĩa DVD có chứa 08 đoạn dữ liệu điện tử ghi nhận hình ảnh thời gian chiều ngày 18/3/2019, trong đó ghi nhận ảnh 01 nam thA niên điều khiển xe hiệu Suzuki loại Satria F150 màu đỏ, biển số 63B3 – 806.07 xuất hiện sau đó vào nhà trọ A Kiệt bẻ khóa đột nhập lấy trộm tài sản và tẩu thoát.

Đĩa DVD trên đi kèm hồ sơ vụ án.

Kết luận định giá tài sản số 68 ngày 11 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện CT, tỉnh Tiền Giang, xác định:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu Vision màu đỏ, biển số 63P1 – 257.48. Theo lời khai của bị hại chiếc xe mô tô trên bị hại mua tháng 10/2018 với giá 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), tỷ lệ sử dụng còn lại 96%, có giá là 33.120.000 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Đối với tài sản gồm: 01 (một) bóp nữ da màu đen; 01 (một) phuộc xe máy (loại xe Vario); 01 (một) túi xách màu đen; 01 (một) cục sạc dự phòng; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Nokia màu đen không xác định được giá trị, do tài sản không thu hồi được, bị hại không cung cấp hóa đơn, chứng từ, nguồn gốc xuất xứ.

Tại bản cáo trạng số **82/CT-VKSCT** ngày 22/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT đã truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo qui định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

** Tại phiên tòa,*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Tuấn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Lê Văn Đ về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo qui định tại khoản 1 Điều 323 Bộ

luật hình sự và phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Lê Tuấn A từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày bắt chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 04 năm tù của Bản án số 18/2019/HS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện TP.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số xe 63S6 – 1309; 01 (một) cái kim bấm bằng kim loại màu trắng; 01 (một) nón bảo hiểm nửa đầu, màu nâu có hai sọc trắng, có chữ 19-5 VICTORY (loại trang cấp cho lực L Công an nhân dân); 01 (khoen) khóa bằng kim loại rỉ sét, sơn màu xA.

- Buộc bị cáo Lê Tuấn A bồi thường cho bị hại Lê Thị M 30.000.000đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nhân chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Tuấn A, Lê Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo Tuấn A cho rằng do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại để trộm cắp tài sản. Cụ thể, vào khoảng 01 giờ ngày 09/11/2018, bị đến nhà trọ Ngân Quyên phòng trọ số 6 do A Võ Khắc L thuê, bị cáo đã phá khóa và chiếm đoạt 01 xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, đỏ, biển số 83D1 – 093.76 của A L. Bị cáo Đ biết rõ tài sản trên là của Tuấn A lấy trộm nhưng vẫn chức chấp sử dụng.

Vào ngày 18/3/2019, bị cáo Tuấn A đến nhà trọ A Kiệt, tọa lạc tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang . Khi đến phòng trọ số 6 do chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Minh A1, bị cáo đã dùng 01 cây kim bằng kim loại màu trắng bẻ gãy khoen khóa cửa, đột nhập vào bên trong chiếm đoạt 01 xe mô tô hai bánh hiệu Vision, màu đỏ, biển số 63P1 – 257.48 của chị M.

Lời khai nhận tội trên của các bị cáo cơ bản đã phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người làm chứng và các lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Tuấn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo qui định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của cáo bị cáo. Xét thấy, các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ sức khỏe và khả năng nhận thức về hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, chứa chấp tài sản của người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, chỉ vì muốn hưởng lợi không bằng sức lao động chính đáng của mình mà bị cáo Tuấn A đã lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để

chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Đ biết rõ tài sản của bị cáo Tuấn A trộm cắp nhưng vẫn chưa chấp đủ dụng.

Xét thấy, bị cáo Tuấn A là người có nhân thân xấu, từng bị đưa vào trường giáo dưỡng, bị xử phạt tù về hành vi cố ý gây thương tích. Nhưng bị cáo vẫn không ăn năn hối cải, mà lại có hành vi phạm tội mới. Điều đó cho thấy bị cáo là người có ý thức xem thường pháp luật. Trong lần phạm tội này bị cáo có 2 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên. Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây tư tưởng hoang mang trong nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, cũng như phòng ngừa chung cho các đối tượng khác.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại. Vì vậy, Hội đồng xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi, lượng hình.

Đối với bị cáo Đ là người có nhân thân xấu, từng bị xử phạt hành chính, xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản. Nhưng bị cáo vẫn không ăn năn hối cải, mà lại có hành vi phạm tội mới. Điều đó cho thấy bị cáo là người có ý thức xem thường pháp luật. Trong lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây tư tưởng hoang mang trong nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, cũng như phòng ngừa chung cho các đối tượng khác.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại. Vì vậy, Hội đồng xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Lê Vĩnh P hiện đã bỏ đi khỏi địa phương, chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT tách ra và xử lý sau.

Đối tượng tên Phong hiện Cơ quan điều tra đang truy tìm nhân thân, địa chỉ để xử lý sau.

[4] Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) biển số xe 63S6 – 1309;
- 01 (một) cái kim bấm bằng kim loại màu trắng;
- 01 (một) nón bảo hiểm nửa đầu, màu nâu có hai sọc trắng, có chữ 19-5 VICTORY (loại trang cấp cho lực L Công an nhân dân);
- 01 (khoen) khóa bằng kim loại rỉ sét, sơn màu xA.

Xét thấy các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng, các chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại và liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại Bùi Thị M yêu cầu bị cáo Tuấn A bồi thường số tiền 30.000.000 đồng là có lợi cho bị cáo nên chấp nhận và buộc bị cáo Tuấn A bồi thường cho bị hại M 30.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Tuấn A và Lê Văn Đ đồng ý liên đới bồi thường cho anh Võ Khắc L số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Các bị cáo đã tác động gia đình đã bồi thường xong.

Đối với các bị hại Nguyễn Minh A1, Phạm Thị Hoàng Y, Võ Nhựt T, do giá trị tài sản thiệt hại không lớn nên không yêu cầu bồi thường.

[6] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với mức hình phạt của bị cáo Tuấn A là cao, các đề nghị khác là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình phạt:

- Tuyên bố bị cáo **Lê Tuấn A** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Tuấn A** 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Tuyên bố bị cáo **Lê Văn Đ** phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Văn Đ** 01 (một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù của Bản án số 18/2019/HS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện TP, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 5 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/12/2018.

2. Về vật chứng:

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số xe 63S6 – 1309; 01 (một) cái kim bấm bằng kim loại màu trắng; 01 (một) nón bảo hiểm nửa đầu, màu nâu có hai sọc trắng, có chữ 19-5 VICTORY (loại trang cấp cho lực L Công an nhân dân); 01 (khoen) khóa bằng kim loại rỉ sét, sơn màu xA.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/7/2019).

3. Về trách nhiệm dân sự.

Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Tuấn A bồi thường cho bị hại Bùi Thị M 30.000.000đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bị hại M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Tuấn A không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo Tuấn A còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Bị cáo Tuấn A phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Đ phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại M, bị hại T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt (Võ Khắc L, Nguyễn Minh A1, Phạm Ngọc Hoàng Y, Bùi Văn L, Nguyễn Thị Kim D) được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng Đ hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND h. CT;
- Công an h. CT;
- Chi cục THADS h. CT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

BÙI A TUẤN